TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL,** **TỈNH ĐẮKNÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19/4/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đợi

2. Bà Phạm Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 257/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2018 v/v ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXX-ST ngày 20/3/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Huyền M *(Vắng mặt)*, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn A, xã E thành phố B, tỉnh Đ.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Tuấn N *(Vắng mặt)*, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, chị Lê Thị Huyền M (nguyên đơn) trình bày:* Chị và anh Phạm Tuấn N kết hôn với nhau vào năm 2016, đăng ký kết hôn ngày 20/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung: cháu Phạm Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2016 và cháu Phạm Lê Hoàng A, sinh ngày 17/12/2017. Thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn,

vợ chồng thường xuyên cải vã, bất đồng quan điểm sống, lối sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn: do anh N thường xuyên đi nhậu, ham chơi game không về nhà, không quan tâm đến gia đình mặc dù chị đã khuyên bảo nhiều lần. Do một mình phải chăm sóc 02 con nhỏ nên chị M đã đưa 02 con nhỏ về nhà mẹ đẻ ở Đắk Lắk sinh sống, đây cũng là thời điểm vợ chồng sống ly thân với nhau (từ tháng 3/2018). Do vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, không còn tình cảm với nhau nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Tuấn N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phạm Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2016 và cháu Phạm Lê Hoàng A, sinh ngày 17/12/2017.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản gì và không nợ ai cả nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với anh Phạm Tuấn N (bị đơn): trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; các giấy triệu tập và thông báo về phiên hòa giải đối với anh Phạm Tuấn N, mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt nhưng anh N cố tình vắng mặt không có lý do trong tất cả các lần triệu tập và hòa giải, xét xử tại Tòa án. Do anh N cố tình vắng mặt nên không có lời khai cũng như không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, anh N phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Đại diệnViện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào quy định tại Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Huyền M được ly hôn với anh Phạm Tuấn N.

Về nuôi con chung: giao cháu Phạm Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2016 và cháu Phạm Lê Hoàng A, sinh ngày 17/12/2017 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị Lê Thị Huyền M (nguyên đơn) phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1]Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Thị Huyền M yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Phạm Tuấn N, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (anh Phạm Tuấn N) có đăng ký hộ khẩu và hiện đang sinh sống tại Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Lê Thị Huyền M (nguyên đơn) vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên chị M đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Đối với anh Phạm Tuấn N (bị đơn) đã được Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil triệu tập hợp lệ đến 02 lần (tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) để tham gia phiên tòa nhưng anh N cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

[4]2.1 Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Huyền M và anh Phạm Tuấn N kết hôn với nhau vào năm 2016 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ. Chị M và anh N cũng đã sống ly thân với nhau từ tháng 3/2018; giữa các bên không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc với nhau nữa. Chị M cũng thừa nhận không còn tình cảm với anh N, không muốn tiếp tục chung sống với anh N và muốn được ly hôn để ổn định cuộc sống, hôn nhân vợ chồng không đạt được mục đích; mâu thuẫn phát sinh từ lâu nhưng cả hai không tìm ra được giải pháp khắc phục; Anh, chị đã không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, hôn nhân thật sự không đạt được mục đích. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Huyền M.

[5]2.2 Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Huyền M có nguyện vọng được nuôi cả 02 con là cháu Phạm Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2016 và cháu Phạm Lê Hoàng A, sinh ngày 17/12/2017 điều này thể hiện trách nhiệm của người làm mẹ đối với con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của các con chưa thành niên.

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".*

"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"

Hiện cháu Phạm Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2016 và cháu Phạm Lê Hoàng A, sinh ngày 17/12/2017 đang còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ và hiện cháu đang ở cùng với chị M, chị M hiện đang kinh doanh, có việc làm với thu nhập ổn định khoảng 9.000.000 đồng/tháng và có chỗ ở ổn định nên đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dương 02 cháu. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần giao 02 cháu: cháu Phạm Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2016 và cháu Phạm Lê Hoàng A, sinh ngày 17/12/2017 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

[6]2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] 2.4 Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng không có tài sản gì; không vay mượn của ai hay cho ai vay mượn và các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[8]**3. Về án phí:** Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị Huyền M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9]Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228; Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Huyền M về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Huyền M được ly hôn với anh Phạm Tuấn N (chấm dứt quan hệ hôn nhân).

2. Về nuôi con chung: Giao hai cháu Phạm Lê Bảo A, sinh ngày 08/11/2016 và cháu Phạm Lê Hoàng A, sinh ngày 17/12/2017 cho chị Lê Thị Huyền M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110 ; Điều 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Huyền M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003303 ngày 18/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Đ, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng